

Hà Nội, ngày ~~28~~ tháng 01 năm 2022

BẢN GIẢI TRÌNH SỐ LIỆU BCTC QUÝ IV NĂM 2021

**Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

Tổ chức niêm yết: **Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An**

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Mã chứng khoán: **HAH**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103818809 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/05/2009 và thay đổi lần thứ 12 ngày 15/05/2020.

Chúng tôi xin giải trình số liệu báo cáo tài chính Quý 4 năm nay lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng **246%** so với cùng kỳ năm ngoái là do nguyên nhân sau:

- Sản lượng hoạt động khai thác cảng tăng.
- Giá cước cho thuê tàu và giá cước vận chuyển đều tăng.
- Công ty đưa thêm 01 tàu (Hai An West) vào khai thác từ đầu tháng 5/2021

Chúng tôi cam đoan những thông tin giải trình trong bản này là chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

Tầng 7, số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2021



Tổng Giám đốc

Vũ Thanh Hải

Kế toán trưởng

A handwritten signature in blue ink, likely belonging to Trần Thị Thanh Hảo.

Trần Thị Thanh Hảo

Hà Nội, tháng 01 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		941.664.249.867	410.423.927.746
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	317.414.227.149	135.041.246.938
1. Tiền	111		103.463.017.149	61.961.836.909
2. Các khoản tương đương tiền	112		213.951.210.000	73.079.410.029
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		74.500.000.000	22.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	74.500.000.000	22.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		517.020.448.985	216.124.055.060
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	95.170.656.428	62.426.475.548
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	208.231.403.398	2.478.035.571
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	37.000.000.000	20.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	176.783.222.771	131.384.377.553
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(164.833.612)	(164.833.612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		18.261.183.355	16.093.858.712
1. Hàng tồn kho	141	V.8	18.261.183.355	16.093.858.712
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.468.390.378	20.664.767.036
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	5.584.776.448	2.472.325.886
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		8.883.613.930	18.192.441.150
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.121.494.612.487	950.530.632.702
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		116.674.000.000	68.400.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.11	46.600.000.000	23.400.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	70.074.000.000	45.000.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		741.795.095.579	619.337.262.671
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	739.380.162.346	616.764.793.282
<i>Nguyên giá</i>	222		1.273.360.549.647	1.063.932.557.608
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(533.980.387.301)	(447.167.764.326)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	2.414.933.233	2.572.469.389
<i>Nguyên giá</i>	228		6.541.325.236	6.541.325.236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.126.392.003)	(3.968.855.847)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.568.959.439	658.181.817
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	6.568.959.439	658.181.817
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	245.864.236.338	251.420.477.727
1. Đầu tư vào công ty con	251		270.622.700.000	270.622.700.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.494.000.000	1.494.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		866.500	866.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(26.253.330.162)	(20.697.088.773)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		10.592.321.131	10.714.710.487
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	10.592.321.131	10.714.710.487
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.063.158.862.354	1.360.954.560.448

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		702.023.252.318	373.085.837.455
I. Nợ ngắn hạn	310		372.222.533.809	151.129.030.382
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	21.813.175.671	15.746.782.530
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	20.703.846.574	5.364.035.919
4. Phải trả người lao động	314		7.276.971.011	6.358.613.873
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	4.342.230.621	786.004.969
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	15.181.295.259	1.933.281.383
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	160.538.055.722	37.431.091.729
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	110.680.547.304	58.147.408.332
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	31.686.411.647	25.361.811.647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		329.800.718.509	221.956.807.073
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		191.000.000.000	105.000.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	138.800.718.509	116.956.807.073
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.361.135.610.036	987.868.722.993
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	1.361.135.610.036	987.868.722.993
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		487.827.510.000	487.827.510.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		487.827.510.000	487.827.510.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191.640.648.159	115.606.612.922
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	(22.905.485.178)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		270.090.070.809	235.778.070.809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		411.577.381.068	171.562.014.440
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		77.848.216.440	171.562.014.440
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		333.729.164.628	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.063.158.862.354	1.360.954.560.448

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Mã số	T. minh	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước	Đơn vị tính VND	
					Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm trước
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	296.007.746.785	161.638.828.689	875.439.410.239	563.733.537.505
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		296.007.746.785	161.638.828.689	875.439.410.239	563.733.537.505
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	142.328.768.611	113.304.647.579	492.192.665.920	414.339.961.984
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		153.678.978.174	48.334.181.110	383.246.744.319	149.393.575.521
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12.318.130.986	5.809.001.403	49.817.844.515	18.945.360.035
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.043.189.542	6.096.254.916	16.976.709.650	19.467.760.754
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.451.151.428	1.997.465.692	11.136.637.783	8.316.082.387
8. Chi phí bán hàng	25				-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.497.675.777	6.807.620.216	26.150.128.274	22.537.111.857
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		154.456.243.841	41.239.307.381	389.937.750.910	126.334.062.945
11. Thu nhập khác	31	VI.6	50.170.581	513.231.847	314.547.981	844.870.316
12. Chi phí khác	32	VI.7	90.337.207	1.319.059	2.313.980.233	263.350.612
13. Lợi nhuận khác	40		(40.166.626)	511.912.788	(1.999.432.252)	581.519.704
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		154.416.077.215	41.751.220.169	387.938.318.658	126.915.582.649
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		25.059.354.555	4.376.941.134	54.209.154.030	13.360.987.326
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52				-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		129.356.722.660	37.374.279.035	333.729.164.628	113.554.595.323

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng



Trần Thị Thanh Hào



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		387.938.318.658	126.915.582.649
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		80.137.168.087	80.831.317.782
- Các khoản dự phòng	03		5.556.241.389	10.505.919.287
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(275.781.675)	366.660.290
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(47.347.670.523)	(17.129.453.571)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	11.136.637.783	8.316.082.387
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		437.144.913.719	209.806.108.824
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(78.952.762.377)	(50.396.993.571)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.167.324.643)	501.264.803
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		250.997.547.095	59.841.970.981
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.990.061.206)	(30.276.326.335)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(14.394.599.496)	(11.649.156.647)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(53.815.267.484)	(13.781.304.030)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(5.684.400.000)	(4.465.108.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		530.138.045.608	159.580.456.025
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12	(421.315.392.765)	(147.360.200.695)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		454.545.455	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(100.200.000.000)	(54.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.000.000.000	25.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		39.092.794.779	14.389.523.479
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(473.968.052.531)	(161.970.677.216)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.21	98.939.520.415	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(7.984.565.500)
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	182.344.641.571	94.664.056.867
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(107.492.199.823)	(82.055.250.675)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(47.284.355.500)	(47.275.936.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		126.507.606.663	(42.651.695.908)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		182.677.599.740	(45.041.917.099)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	135.041.246.938	180.212.617.667
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(304.619.529)	(129.453.630)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	317.414.227.149	135.041.246.938

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An có trụ sở chính tại phòng 502 tầng 5, tòa nhà 133 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Tại thời điểm cuối kỳ, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 36,89%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 73 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 73 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: Nguyên vật liệu, hàng hóa bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-20
Máy móc và thiết bị	3-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5
Tài sản cố định khác	4-10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	717.778.980	435.002.664
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	102.745.238.169	61.526.834.245
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	213.951.210.000	73.079.410.029
Cộng	317.414.227.149	135.041.246.938

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	270.622.700.000	(26.253.330.162)	270.622.700.000	(20.697.088.773)
Công ty TNHH Cảng Hải An ⁽ⁱ⁾	30.000.000.000	-	30.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An ⁽ⁱⁱ⁾	101.000.000.000	-	101.000.000.000	-
Công ty TNHH Pan Hải An ⁽ⁱⁱⁱ⁾	139.622.700.000	(26.253.330.162)	139.622.700.000	(20.697.088.773)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.494.000.000	-	1.494.000.000	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An ^(iv)	1.494.000.000	-	1.494.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	866.500	-	866.500	-
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000	-	864.000	-
Công ty Cổ phần MHC	2.500	-	2.500	-
Cộng	272.117.566.500	(26.253.330.162)	272.117.566.500	(20.697.088.773)

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101126468 ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Hải An số tiền là 30.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ theo đăng ký.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201655535 ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An số tiền 101.000.000.000 VND, tương ứng 50,5% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ theo đăng ký.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201815115 ngày 20 tháng 10 năm 2017, thay đổi lần 2 ngày 21 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Pan Hải An số tiền 139.622.700.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký.

(iv) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 298.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (chiếm 36,89% vốn điều lệ), số đầu năm là 149.400 cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào Công ty con

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	20.697.088.773	10.191.169.486
Trích lập dự phòng bổ sung	5.556.241.389	10.505.919.287
Số cuối kỳ	26.253.330.162	20.697.088.773

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Cảng Hải An (HAP)		
Doanh thu khai thác cảng HAP thu hộ	262.039.057.543	239.665.666.017
Phí quản lý cảng phải trả cho HAP	47.786.899.220	40.825.960.446
Thuê văn phòng của công ty mẹ	2.678.884.450	1.497.514.963
Phí quản lý khác phải trả cho HAP	984.000.000	574.000.000
Lợi nhuận được chia từ HAP	19.337.314.976	9.279.521.600
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (HACT)		
Cung cấp dịch vụ cho HACT	327.448.080.835	143.238.201.403
Chi hộ HACT	199.211.201	560.310.321
HACT cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ	33.028.013.510	21.884.649.205
HATS góp vốn theo hợp đồng BCC	25.000.000.000	
HATS phân chia lãi BCC	3.378.543.902	599.527.942
HACT phân chia lợi nhuận năm 2019-2020	20.200.000.000	
Công ty TNHH Pan Hải An (Pan Hải An)		
Pan Hải An cung cấp dịch vụ cho hoạt động cảng	5.299.467.993	4.433.233.931
HATS cung cấp dịch vụ cho Pan Hải An	634.914.100	91.424.000
Cho Pan Hải An vay	23.200.000.000	25.000.000.000
Thu tiền gốc cho vay từ Pan Hải An		25.000.000.000
Lãi cho vay	2.009.027.780	1.056.166.666
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (HAFC)		
HATS cung cấp dịch vụ cho HAFC	614.836.623	6.070.788.837
HATS phân chia lãi BCC	1.212.009.250	300.438.610
HAFC chia lợi nhuận	747.000.000	747.000.000
HAFC góp vốn theo hợp đồng BCC		5.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	90.684.736.151	57.012.207.834
Công ty TNHH Cảng Hải An	10.358.661.209	20.392.337.400
Công ty TNHH Vận tải container Hải An	78.267.163.543	33.802.424.987
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	1.367.711.782	1.366.908.818
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	42.109.325	755.165.007
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh-Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức	24.615.600	2.299.000
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	624.474.692	693.072.622
Phải thu các khách hàng khác	4.485.920.277	5.414.267.714
CÔNG TY TNHH OOCL VIỆT NAM	1.447.423.772	1.401.365.944
OCEAN NETWORK EXPRESS PTE. LTD.,	445.685.493	232.215.738
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	657.660.982	1.487.137.056
CK LINE CO., LTD	520.755.606	648.916.962
CÔNG TY TNHH THORESEN - VI NA MA LOGISTICS	191.565.000	307.260.800
Công ty TNHH Vận Tải Biển Liên Hợp	228.769.251	149.128.587
Khách hàng khác	994.060.173	1.188.242.627
Cộng	95.170.656.428	62.426.475.548

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	208.231.403.398	2.478.035.571
Cảng vụ hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh	106.208.835	830.233
Chi nhánh Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Công trình Hàng Hải	359.400.000	359.400.000
ISS MACHINERY SERVICES LIMITED		133.428.000
KOCKS ARDEL T K RANBAU GMBH		1.677.109.838
CÔNG TY CỔ PHẦN UNICO VINA	922.134.400	
Công ty CP Thiết Bị và Dịch vụ Quốc tế	225.225.000	
Công ty CP thiết kế xây dựng và đầu tư phát triển Minh Thịnh	553.083.500	
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ HÀNG HẢI VIỆT NAM	578.086.200	
CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG IMTRACO	67.500.000	
FRESH SOUTH SHIPPING S.A.,	84.730.678.650	
Huanghai Shipbuilding Co., Ltd.	119.698.860.000	
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển HDT	677.391.000	
Công ty CP thương mại và công nghệ TST Việt Nam	40.291.350	
Chi nhánh công ty cổ phần tư vấn xây dựng công trình hàng hải tại Thành phố Hải Phòng	73.800.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Các nhà cung cấp khác	198.744.463	307.267.500
Cộng	208.231.403.398	2.478.035.571

5. Phải thu về cho vay

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho Ông Lê Phong Hiếu vay để nộp tiền thuê đất 1 lần cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác. Thời hạn vay 6 tháng từ ngày 12 tháng 5 năm 2020, nợ gốc và lãi được trả 1 lần vào ngày đến hạn. Khoản vay này được gia hạn thanh toán chậm nhất vào ngày 31/03/2022.

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

Là khoản cho Công ty TNHH Pan Hải An vay với lãi suất 5%/năm, thời hạn vay 5 năm và thời gian ân hạn là 02 năm kể từ ngày liền sau ngày giải ngân lần đầu của khoản vay (ngày 19 tháng 11 năm 2019). Số dư nợ gốc có thể hoàn trả một lần hoặc nhiều lần kể từ sau khi hết thời gian ân hạn.

6. Phải thu khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	62.751.593.614	17.585.109.947
Công ty TNHH Cảng Hải An – Lợi nhuận phải thu	12.425.231.234	4.306.149.196
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Kết quả hoạt động BCC	50.118.121.017	13.131.905.366
Các khoản chi hộ	208.241.363	147.055.385
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	114.031.629.157	113.799.267.606
Lãi tiền gửi dự thu		73.380.822
Doanh thu tạm tính	468.473.907	
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án (i)	112.423.676.376	112.423.676.376
Ký cược, ký quỹ	97.350.000	406.518.076
Tạm ứng	303.012.754	805.240.000
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	739.116.120	90.452.332
Cộng	176.783.222.771	131.384.377.553

(i) Là khoản đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc số 01/HĐĐC ngày 06 tháng 12 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng đặt cọc số 01/PLHĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê còn lại với diện tích 310.507,9 m² theo quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2019.

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu bên liên quan	70.000.000.000	-	45.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An ⁽ⁱ⁾	70.000.000.000	-	45.000.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân	74.000.000	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>khác</i>				
Ký cược, ký quỹ	74.000.000	-	-	-
	70.074.000.000	-	45.000.000.000	-

- (i) Là khoản phải thu Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (“Bên kiểm soát”) về vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0101-2021/BCC-HACT ngày 11 tháng 01 năm 2021 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017 như sau:

	Số tiền (VND)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	45.000.000.000	56,25%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (bên kiểm soát)	10.000.000.000	12,50%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	12,50%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	12,50%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5.000.000.000	6,25%
Cộng	80.000.000.000	100,00%

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0101-2021/BCC-HACT ngày 11 tháng 01 năm 2021 như sau:

	Số tiền (VND)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	25.000.000.000	25,00%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (bên kiểm soát)	60.000.000.000	60,00%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	5.000.000.000	5,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	5.000.000.000	5,00%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5.000.000.000	5,00%
Cộng	100.000.000.000	100,00%

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh - phải thu cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	65.089.486	(65.089.486)	Trên 3 năm	65.089.486	(65.089.486)
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia - phải thu cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	99.744.126	(99.744.126)	Trên 3 năm	99.744.126	(99.744.126)
Cộng		164.833.612	(164.833.612)		164.833.612	(164.833.612)

Trong kỳ không có biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	18.187.588.810	16.055.292.995
Công cụ, dụng cụ	73.594.545	38.565.717
Cộng	18.261.183.355	16.093.858.712

9. Chi phí trả trước

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm chờ phân bổ	1.116.483.204	848.221.457
Phí đường bộ	66.589.502	49.994.000
Chi phí thuê văn phòng	80.000.000	64.000.000
Dầu nhờn	3.930.393.480	1.288.569.717
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	391.310.262	221.540.712
Cộng	5.584.776.448	2.472.325.886

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	3.752.663.371	201.495.045
Chi phí lên đà tàu HaiAn Link	6.443.580.044	10.513.215.442
Cộng	10.592.321.131	10.714.710.487

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	227.398.863.668	290.869.216.266	523.967.169.138	775.938.182	20.921.370.354	1.063.932.557.608
Mua trong kỳ		17.505.562.015	193.469.514.478			210.975.076.493
Thanh lý, nhượng bán			(1.547.084.454)			(1.547.084.454)
Số cuối kỳ	227.398.863.668	308.374.778.281	715.889.599.162	775.938.182	20.921.370.354	1.273.360.549.647
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	128.761.040.639	234.926.934.562	74.409.245.921	655.495.049	8.415.048.155	447.167.764.326
Lũy kế khấu hao từ đầu năm đến cuối kỳ	9.819.861.664	16.007.219.904	60.106.173.677	96.694.217	2.084.387.040	88.114.336.502
Thanh lý, nhượng bán			(1.301.713.527)			(1.301.713.527)
Số cuối kỳ	138.580.902.303	250.934.154.466	133.213.706.071	752.189.266	10.499.435.195	533.980.387.301
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	98.637.823.029	55.942.281.704	449.557.923.217	120.443.133	12.506.322.199	616.764.793.282
Số cuối kỳ	88.817.961.365	57.440.623.815	582.675.893.091	23.748.916	10.421.935.159	739.380.162.346

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.945.015.236	1.596.310.000	6.541.325.236
Mua trong kỳ			-
Số cuối kỳ	4.945.015.236	1.596.310.000	6.541.325.236
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.391.504.165	1.577.351.682	3.968.855.847
Khấu hao trong kỳ	141.286.152	16.250.004	157.536.156
Số cuối kỳ	2.532.790.317	1.593.601.686	4.126.392.003
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.553.511.071	18.958.318	2.572.469.389
Số cuối kỳ	2.412.224.919	2.708.314	2.414.933.233

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	567.727.272	211.078.345.327	(210.975.076.493)	-	670.996.106
Xây dựng cơ bản dở dang	90.454.545	12.972.804.242		(7.165.295.454)	5.897.963.333
Sửa chữa lớn TSCĐ		6.943.836.075		(6.943.836.075)	-
Cộng	658.181.817	230.994.985.644	(210.975.076.493)	(14.109.131.529)	6.568.959.439

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.516.984.906	1.429.630.855
Công ty TNHH Pan Hải An	759.481.257	491.725.239
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	53.836.376	55.407.808
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	697.667.273	882.497.808
Cn tại TP.Hồ Chí Minh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	6.000.000	
Phải trả các nhà cung cấp khác	20.296.190.765	14.317.151.675
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	2.719.462.603	1.580.351.648
Công ty TNHH Hàng Hải Sao Mai	4.021.546.760	
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ XUẤT NHẬP KHẨU DHN	108.520.458	
Triton Container International Limited-Colle	2.382.505.579	2.292.823.903
Công ty TNHH MTV tâm cảng Hải Phòng	1.435.194.103	1.586.040.500
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Vosco	3.455.587.110	1.013.460.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HẢI HẢI ÂU	1.079.750.230	1.250.909.300
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG MIPEC		608.494.396
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải Vinaship	850.469.400	672.892.550
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ kỹ thuật Duyên Hải	378.724.610	31.160.250
Công ty TNHH MTV vận tải và dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng	717.759.530	1.059.125.442
Công ty TNHH xếp dỡ An Hải	454.365.560	535.339.530
Công ty TNHH Thoresen - Vinama Logistics	216.198.536	216.012.638
Công ty TNHH container Phía Bắc	101.879.786	332.168.069
VLK MARINE CORPORATION	345.216.960	
<i>Các nhà cung cấp khác</i>	2.029.009.540	3.138.373.449
Cộng	21.813.175.671	15.746.782.530

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	668.452.437	5.603.290.989	(5.758.836.862)	512.906.564
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	20.379.862.152	(20.379.862.152)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	660.114.507	(660.114.507)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.615.267.483	68.646.347.037	(53.815.267.484)	18.446.347.036
Thuế thu nhập cá nhân	1.080.315.999	4.676.332.658	(4.012.055.683)	1.744.592.974
Thuế bảo vệ môi trường	-	1.241.487.280	(1.241.487.280)	-
Tiền thuế đất	-	2.925.234.664	(2.925.234.664)	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Cộng	5.364.035.919	104.137.669.287	(88.797.858.632)	20.703.846.574

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước cho thuê tàu chạy tuyến nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm kể từ năm 2011, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2015 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	154.416.077.215	41.751.220.169
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	478.860.281	490.719.931
- Các khoản điều chỉnh tăng	478.860.281	490.719.931
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	154.894.937.496	42.241.940.100
Thu nhập được miễn thuế	(10.389.363.347)	(2.821.658.101)
Thu nhập tính thuế	144.505.574.149	39.420.281.999
Trong đó:		
- Hoạt động khai thác cảng được ưu đãi	25.611.735.159	23.380.768.441
- Hoạt động khai thác cảng không được ưu đãi	13.212.422.100	3.808.290.213
- Hoạt động khai thác tàu	105.681.416.890	12.231.223.345
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	28.901.114.830	7.884.056.400
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(2.561.173.517)	(2.338.076.844)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(1.280.586.758)	(1.169.038.422)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	25.059.354.555	4.376.941.134
Thuế TNDN các bên hợp tác kinh doanh nộp hộ	(7.353.277.076)	(1.272.279.587)
Thuế TNDN nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	13.297.772.489	988.684.803
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	31.003.849.968	4.093.346.350

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	4.342.230.621	786.004.969
Chi phí hoạt động cảng	393.116.600	
Chi phí hoạt động tàu	2.041.550.000	
Chi phí lãi vay phải trả	1.907.564.021	786.004.969
Cộng	4.342.230.621	786.004.969

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

17. Phải trả khác**17a. Phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	108.346.893.048	10.419.025.998
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - lãi hợp tác kinh doanh BCC	18.489.898.404	2.659.374.929
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An - lãi hợp tác kinh doanh BCC	7.290.110.066	479.445.983
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An- lãi hợp tác kinh doanh BCC	52.214.604.619	3.378.543.902
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà -lãi hợp tác kinh doanh BCC	22.441.357.075	2.419.651.934
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An -lãi hợp tác kinh doanh BCC	7.430.922.884	1.212.009.250
Thù lao hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	480.000.000	270.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	52.191.162.674	27.012.065.731
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	51.225.520.935	26.236.882.839
Kinh phí công đoàn	253.508.979	197.445.359
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	644.253.900	535.811.400
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	67.878.860	41.926.133
Cộng	160.538.055.722	37.431.091.729

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 66/HĐHTKD</i>	35.000.000.000	35.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An		
<i>Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 68/HĐHTKD</i>	70.000.000.000	70.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	15.000.000.000	15.000.000.000
Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 02/HĐHTKD	44.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	33.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	11.000.000.000	
Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC theo hợp đồng số 03-2021/HĐHTKD	42.000.000.000	-
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	7.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	4.000.000.000	
Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C	18.000.000.000	
Công ty cổ phần vận tải biển An Biên	7.000.000.000	
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	4.000.000.000	
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	2.000.000.000	
Cộng	191.000.000.000	105.000.000.000

- (*) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD ngày 08/5/2019, Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 68/HĐHTKD ngày 29/6/2020, Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02-2021 HĐHTKD ngày 02 tháng 02 năm 2021 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 03-2021 HĐHTKD ngày 25 tháng 11 năm 2021 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tải sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng BCC số 66/HĐHTKD ngày 08/05/2019 như sau:

	Giá trị Góp Vốn (VNĐ)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	40.000.000.000	53,33%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	13,33%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	6,68%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	13,33%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	10.000.000.000	13,33%
Cộng	75.000.000.000	100%

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng BCC số 68/HĐHTKD ngày 29/6/2020 như sau:

	Giá trị Góp Vốn (VNĐ)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	30.000.000.000	30%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	30.000.000.000	30%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	5%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Giá trị Góp Vốn (VNĐ)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	10%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	15.000.000.000	15%
Cộng	100.000.000.000	100%

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng BCC số 02-2021/HĐHTKD ngày 02/02/2021 như sau:

	Giá trị Góp Vốn (VNĐ)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	66.000.000.000	60%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	33.000.000.000	30%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	11.000.000.000	10%
Cộng	110.000.000.000	100%

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng BCC số 03-2021/HĐHTKD ngày 25/11/2021 như sau:

	Giá trị Góp Vốn (VNĐ)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	127.000.000.000	52,48%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	20.000.000.000	8,26%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	4,13%
Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C	50.000.000.000	20,66%
Công ty cổ phần vận tải biển An Biên	20.000.000.000	8,26%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	4,13%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5.000.000.000	2,07%
Cộng	242.000.000.000	100%

18. Vay

18a. Vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	44.449.837.069	8.889.932.577
Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	-	8.889.932.577
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	44.449.837.069	
Vay dài hạn đến hạn trả	66.230.710.235	49.257.475.755
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	56.167.550.235	36.705.445.865
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch I	-	2.488.869.890
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	10.063.160.000	10.063.160.000
Cộng	110.680.547.304	58.147.408.332

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng cấp tín dụng số 01.2021/HĐCVHM/VCB-HAIAN ngày 18 tháng 01 năm 2021, hạn mức vay là 60.000.000.000 VND để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh trong ngắn hạn của Công ty với

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

thời hạn vay là 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng.

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/14287326/HĐTD ngày 30/09/2020 để tài trợ cho nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng, thời hạn vay 12 tháng, hạn mức cho vay 25.000.000.000 VNĐ. Lãi suất cho vay được xác định theo từng lần giải ngân.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	8.889.932.577	49.257.475.755	58.147.408.332
Số tiền vay phát sinh trong năm	88.361.515.321		88.361.515.321
Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn		71.663.823.474	71.663.823.474
Số tiền vay đã trả trong năm	(52.801.610.829)	(54.690.588.994)	(107.492.199.823)
Số cuối kỳ	44.449.837.069	66.230.710.235	110.680.547.304

18b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	138.800.718.509	116.956.807.073
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (i)	113.642.828.509	81.735.757.073
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	25.157.890.000	35.221.050.000
Cộng	138.800.718.509	116.956.807.073

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 2016/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 06 tháng 9 năm 2016 để đầu tư hệ thống 10 xe chở Container, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, không ân hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15/10/2018, mục đích vay tài trợ cho việc thực hiện Dự án đầu tư tàu container Sinar Brani, thời hạn cho vay là 60 tháng (5 năm) kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, thời hạn trả nợ là 19 kỳ (mỗi kỳ 3 tháng), kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu Hải An Link.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn 01.2019/HDCV/VCB-HAIAN ngày 29/05/2019 để đầu tư dự án tàu container VNL Ruby; thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp gồm: 2 xe nâng nhãn hiệu PPM Terex, cần trục chân đế Kirov Ardelt GMBH, 5 đầu kéo và 5 somi romooc, tàu Hải An Link và tàu VNL Ruby.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

- Hợp đồng tín dụng số 012021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 09 tháng 04 năm 2021 để mua tàu biển Hải An West, số tiền 84.378.240.000 VND, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 15 tháng 04 năm 2021. Nợ gốc và lãi được thanh toán 3 tháng/lần, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 15 tháng 7 năm 2021. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu biển HAIAN WEST theo hợp đồng thế chấp tàu biển số 01.2021/HĐTC/VCB-XDHA.

- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo hợp đồng số 0056-2020-HDDTD1-BV007 ngày 17/07/2020 vay để mua sắm tàu container chờ hàng đã qua sử dụng tên STELLAR WILLEMSTADT (IMO: 9470717) số tiền cho vay là 47.800.000.000 VND, thời hạn cho vay 60 tháng, ngày đến hạn trả nợ là 17/07/2025, tài sản đảm bảo là phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay là tài biển tên STELLAR WILLEMSTADT (IMO: 9470717).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	66.230.710.235	49.257.475.755
Trên 1 năm đến 5 năm	138.800.718.509	116.956.807.073
Trên 5 năm		
Cộng	<u>205.031.428.744</u>	<u>166.214.282.828</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	116.956.807.073	114.623.264.579
Số tiền vay phát sinh	93.983.126.250	55.606.741.216
Số tiền vay đã trả trong năm		(282.000.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(71.663.823.474)	(53.254.563.394)
CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối kỳ	(475.391.340)	263.364.672
Số cuối kỳ	<u>138.800.718.509</u>	<u>116.956.807.073</u>

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	17.981.167.213	6.862.000.000	(5.547.000.000)	19.296.167.213
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	7.380.644.434	5.147.000.000	(137.400.000)	12.390.244.434
Cộng	<u>25.361.811.647</u>	<u>12.009.000.000</u>	<u>(5.684.400.000)</u>	<u>31.686.411.647</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

20. **Vốn chủ sở hữu**

20a. **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	487.827.510.000	115.606.612.922	(14.920.919.678)	206.901.070.809	144.383.217.117	939.797.491.170
Mua lại cổ phiếu đã phát hành			(7.984.565.500)			(7.984.565.500)
Lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	-	113.554.595.323	113.554.595.323
Trích lập các quỹ	-	-	-	28.877.000.000	(38.983.000.000)	(10.106.000.000)
Trả cổ tức năm 2019	-	-	-	-	(47.392.798.000)	(47.392.798.000)
Số dư cuối kỳ trước	487.827.510.000	115.606.612.922	(22.905.485.178)	235.778.070.809	171.562.014.440	987.868.722.993
						-
Số dư đầu năm nay	487.827.510.000	115.606.612.922	(22.905.485.178)	235.778.070.809	171.562.014.440	987.868.722.993
Bán cổ phiếu quỹ		76.034.035.237	22.905.485.178	-	-	98.939.520.415
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	333.729.164.628	333.729.164.628
Trích lập các quỹ	-	-	-	34.312.000.000	(46.321.000.000)	(12.009.000.000)
Trả cổ tức năm 2020	-	-	-	-	(47.392.798.000)	(47.392.798.000)
Số dư cuối kỳ này	487.827.510.000	191.640.648.159	-	270.090.070.809	411.577.381.068	1.361.135.610.036

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

20b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.782.751	48.782.751
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	48.782.751	48.782.751
- Cổ phiếu phổ thông	48.782.751	48.782.751
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	1.389.953
- Cổ phiếu phổ thông	-	1.389.953
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	48.782.751	47.392.798
- Cổ phiếu phổ thông	48.782.751	47.392.798
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 0205-2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông (10%)	: 47.392.798.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 34.312.000.000
• Trích quỹ Ban điều hành	: 5.147.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 6.862.000.000

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	3.406.852,27	1.017.409,40
Euro (EUR)	40,54	40,54

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	83.350.171.176	80.006.663.335
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	188.343.804.798	59.495.573.204
Doanh thu hoạt động khác	24.313.770.811	22.136.592.150
Cộng	296.007.746.785	161.638.828.689

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác tàu, khai thác cảng và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	5.898.792.523	4.842.521.302
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	180.759.113	103.198.518
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	18.615.520	
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức tại Hải Phòng	3.285.549.962	2.528.634.525
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh	82.748.458	2.090.000
		32.340.000

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Giá vốn của hoạt động cảng	49.946.524.156	50.499.249.385
Giá vốn của hoạt động tàu	77.205.066.898	45.512.056.757
Giá vốn dịch vụ khác	15.177.177.557	17.293.341.437
Cộng	142.328.768.611	113.304.647.579

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	937.541.635	422.348.170
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35.771.228	26.415.197
Lãi tiền cho vay	595.444.445	2.123.657.534
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.389.363.347	2.821.658.101
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	565.182.962	381.965.228
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(205.172.631)	32.957.173
Cộng	12.318.130.986	5.809.001.403

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Chi phí lãi vay	3.451.151.428	1.997.465.692
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	312.316.897	4.092.267.728
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	153.536.684	60.724.854
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	126.184.533	(54.203.358)
Cộng	4.043.189.542	6.096.254.916

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.365.342.895	3.540.884.441
Chi phí vật liệu quản lý	85.451.721	108.907.462
Chi phí đồ dùng văn phòng	37.261.761	34.943.580
Chi phí khấu hao tài sản cố định	247.012.356	461.747.819
Thuế, phí và lệ phí	8.335.450	21.514.638
Chi phí dịch vụ mua ngoài	844.321.824	952.315.958
Các chi phí khác	1.909.949.770	1.687.306.318
Cộng	7.497.675.777	6.807.620.216

6. Thu nhập khác

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Tiền bồi thường	38.404.800	512.888.901
Xử lý công nợ	11.765.781	342.946
Cộng	50.170.581	513.231.847

7. Chi phí khác

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Bồi thường tổn thất	68.355.000	
Xử lý công nợ	21.982.207	1.319.059
Cộng	90.337.207	1.319.059

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	3.155.763.467	2.731.888.923
Phụ cấp	754.700.000	579.000.000
Tiền thưởng	2.760.856.182	1.633.692.977
Cộng	6.671.319.649	4.944.581.900

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ năm nay	Tiền lương	Phụ cấp	Tiền thưởng	Cộng thu nhập
Ông Vũ Ngọc Sơn – Chủ tịch HĐQT	1.670.663.467	103.200.000	1.223.501.587	2.997.365.054
Ông Vũ Thanh Hải – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	926.900.000	113.600.000	839.055.936	1.879.555.936
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	-	96.000.000	120.000.000	216.000.000
Ông Trần Quang Tiến - Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	302.920.000	101500000	272.281.993	676.701.993
Ông Vũ Doãn Hạnh - Phó Tổng Giám đốc	181.460.000	3.300.000	92.046.666	276.806.666
Ông Trần Tiến Dũng - Phó Tổng Giám đốc	73.820.000	1.100.000	9.970.000	84.890.000
Bà Trần Thị Hải Yến - Thành viên HĐQT	-	96.000.000	60.000.000	156.000.000
Bà Nguyễn Thị Vân- Thành viên HĐQT	-	96.000.000	60.000.000	156.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Trưởng Ban kiểm soát	-	48.000.000	36.000.000	84.000.000
Bà Trần Thị Thơm - Thành viên Ban kiểm soát	-	48.000.000	24.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Xuân Lộc - Thành viên Ban kiểm soát	-	48.000.000	24.000.000	72.000.000
Cộng	3.155.763.467	754.700.000	2.760.856.182	6.671.319.649

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

<i>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ năm trước</i>	Tiền lương	Phụ cấp	Tiền thưởng	Cộng thu nhập
Ông Vũ Ngọc Sơn – Chủ tịch HĐQT	1.491.968.923	79.200.000	801.160.507	2.372.329.430
Ông Vũ Thanh Hải – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	897.000.000	91.200.000	483.122.470	1.471.322.470
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	-	72.000.000	100.000.000	172.000.000
Ông Bùi Tuấn Ngọc - Thành viên HĐQT	-	6.000.000	-	6.000.000
Ông Trần Quang Tiến - Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	342.920.000	78.600.000	79.410.000	500.930.000
Bà Trần Thị Hải Yến - Thành viên HĐQT	-	72.000.000	50.000.000	122.000.000
Bà Nguyễn Thị Vân- Thành viên HĐQT	-	72.000.000	50.000.000	122.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Trưởng Ban kiểm soát	-	36.000.000	30.000.000	66.000.000
Bà Trần Thị Thơm - Thành viên Ban kiểm soát	-	36.000.000	20.000.000	56.000.000
Ông Nguyễn Xuân Lộc - Thành viên Ban kiểm soát	-	36.000.000	20.000.000	56.000.000
Cộng	2.731.888.923	579.000.000	1.633.692.977	4.944.581.900

Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty con của Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd.	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh đồng Xanh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (HAGS)		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Sử dụng dịch vụ của HAGS	4.567.202.920	4.837.085.237
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (HAAL)		
HATS phân chia lãi BCC năm 2020	479.445.983	
Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	4.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
HATS phân chia lãi BCC	2.419.651.934	599.527.942
Sử dụng dịch vụ khai thác cảng		612.839.699
HATS trả cổ tức	5.567.500.000	5.567.500.000
Chi phí HATS thuê văn phòng	2.413.726.279	2.476.011.799
HATS nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	15.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức (MLA)		
HATS trả cổ tức	1.722.060.000	1.722.060.000
HATS phân chia lãi BCC	2.659.374.929	599.527.942
Phải trả phí làm thủ tục hải quan	31.020.000	31.020.000
Nhận góp vốn theo hợp đồng BCC	2.000.000.000	15.000.000.000
MLA chi hộ		
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh		
HATS sử dụng dịch vụ	79.090.906	
Công ty Cổ phần Cánh Đồng Xanh		
HATS trả cổ tức	1.503.200.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh		
HATS trả cổ tức	558.400.000	1.000.000.000
<i>Công nợ với các bên liên quan khác</i>		
Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.12 và V.16.		

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Cộng
Lũy kế đến cuối kỳ năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	318.211.334.258	468.703.147.160	88.524.928.821	875.439.410.239
Doanh thu thuần về bán hàng và				

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	318.211.334.258	468.703.147.160	88.524.928.821	875.439.410.239
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	131.643.311.314	222.637.313.786	28.966.119.219	383.246.744.319
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(26.150.128.274)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				357.096.616.045
Doanh thu hoạt động tài chính				49.817.844.515
Chi phí tài chính				(16.976.709.650)
Thu nhập khác				314.547.981
Chi phí khác				(2.313.980.233)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(54.209.154.030)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				333.729.164.628
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	31.540.851.026	196.634.096.791	597.701.180	228.772.648.997
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	26.995.282.928	64.566.269.310	1.140.948.452	92.702.500.690
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)				
Lũy kế đến cuối kỳ năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	272.453.397.643	211.635.549.643	79.645.590.219	563.734.537.505
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	272.453.397.643	211.635.549.643	79.645.590.219	563.734.537.505
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	89.608.306.417	43.706.946.061	16.078.323.043	149.393.575.521
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(22.537.111.857)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				126.856.463.664
Doanh thu hoạt động tài chính				18.945.360.035
Chi phí tài chính				(19.467.760.754)
Thu nhập khác				

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

				844.870.316
Chi phí khác				(263.350.612)
Chi phí thuê thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(13.360.987.326)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				<u>113.554.595.323</u>

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	14.700.956.766	171.795.993.956	25.019.930.365	211.516.881.087
-------------------------------------------------------------------------------------	-----------------------	------------------------	-----------------------	------------------------

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	44.733.780.676	39.501.237.560	1.232.329.599	85.467.347.835
-------------------------------------------------------------------	-----------------------	-----------------------	----------------------	-----------------------

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	164.278.427.897	989.033.905.057	43.896.948.084	1.197.209.281.038
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				865.949.581.316
Tổng tài sản				<u>2.063.158.862.354</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	20.951.773.884	516.870.069.150	84.848.729.313	622.670.572.347
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				79.352.679.972
Tổng nợ phải trả				<u>702.023.252.319</u>
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	286.582.195.687	549.555.612.226	52.349.991.900	888.487.799.813
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				472.466.760.635
Tổng tài sản				<u>1.360.954.560.448</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	15.063.369.736	276.110.073.417	40.700.881.176	331.874.324.329
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				41.211.513.126
Tổng nợ phải trả				<u>373.085.837.455</u>

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2022

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải